

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2. Bà Trần Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Duy T, sinh năm 1992; Địa chỉ: tổ 21, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993; Địa chỉ: 128/72, khu phố D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, Anh T vắng mặt tại Tòa có đơn xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Phạm Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và Chị Nguyễn Thị Kim N chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu

thuần, Chị N thường xuyên yêu cầu ly hôn nhưng Anh T không đồng ý. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tiền bạc, kinh tế trong gia đình, thường cãi nhau không còn tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Chị N về nhà ba mẹ ruột sống, Anh T đi làm và sống tại Sài Gòn. Vợ chồng có gặp nhau dịp tết nhưng không nói chuyện và không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tình cảm vợ chồng không còn, Anh T xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 21-02-2016 và Phạm Minh A, sinh ngày 18-3-2018. Anh T đồng ý giao 02 con chung cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của Anh T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2022. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ly thân từ tháng 10/2022, chị về nhà mẹ ruột sống đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc và không nói chuyện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa. Anh T xin ly hôn thì Chị N cũng đồng ý nhưng do chị là đạo Công Giáo nên không ký đơn ly hôn được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Thống nhất như Anh T trình bày, chị xin nuôi 02 con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

** Tại phiên tòa:*

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Phạm Duy T đối với Chị Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 21-02-2016 và Phạm Minh A, sinh ngày 18-3-2018. Anh, chị thống nhất giao 02 con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T, Chị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh T, Chị N theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy T và Chị Nguyễn Thị Kim N chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, Chị N thường yêu cầu ly hôn nhưng Anh T không đồng ý. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tiền bạc, kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường cãi nhau không còn tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Chị N về nhà ba mẹ sống, Anh T đi làm và sống tại Sài Gòn. Vợ chồng có gặp dịp tết nhưng không nói chuyện với nhau, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống chung của anh và Chị N không còn niềm tin, hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, Anh T vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Hiện anh, chị đã sống ly thân gần 1 năm nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn đoàn tụ cùng chung sống, không cùng chung quan điểm sống, thời gian ly thân đã lâu không hàn gắn được. Chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng chị cũng đồng ý ly hôn nhưng do chị là người đạo Công giáo nên không ký biên bản thuận tình ly hôn, chị đồng ý ly hôn nhưng không ký vào các biên bản của Tòa nên không có cơ sở là anh, chị thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 21-02-2016 và Phạm Minh A, sinh ngày 18-3-2018. Anh, chị thống nhất giao 02 con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Phạm Duy T đối với Chị Nguyễn Thị Kim N. Anh Phạm Duy T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 21-02-2016 và Phạm Minh A, sinh ngày 18-3-2018. Anh, chị thống nhất giao 02 con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 3 năm 2023.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày Chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con như nêu trên, thì hàng tháng Anh T còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Duy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018145 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Anh T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Cái Thị Minh Tâm